TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST.
Ngày: 15/ 6/2022.
V/v đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Lợi và Bà Hoàng Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Hương, Thư ký viên chính Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình: bà Nguyễn Thị Hồng Vân, kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 06/1/2022 về tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 11/5/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/ 2022/QĐST-DS ngày 02/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Vũ Đức T, sinh năm 1958

và bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: số nhà 731, đường Ng C Tr, phố Đông H, phường B Đ, thành phố N B, tỉnh N B.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Vũ Đức T là bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1959 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 27 tháng 4 năm 2022)

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ : số nhà 30, ngõ 36, đường Phạm Thận D, phường B Đ, thành phố N B, tỉnh N B.

Người làm chứng : bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959; địa chỉ : số nhà 30, phố 12, đường Trần Ph, phường V G, thành phố N B, tỉnh N B.

(Tại phiên tòa bà Đinh Thị Nh, bà Nguyễn Thị L có mặt, bà Q và ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2022 của ông Vũ Đức T và bà Đinh Thị Nh; bản tự khai của ông T và lời khai của bà Nh tại phiên toà thể hiện: Do có mối quan hệ quen biết và tạo điều kiện cho nhau làm ăn kinh tế nên vợ chồng bà có cho bà Nguyễn Thị L vay tổng số tiền là 1.895.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín lăm triệu đồng), thể hiện tại các giấy vay tiền là: Ngày 25/4/2017, bà L vay vợ chồng bà số tiền là 375.000.000 đồng hẹn sau hai tháng sẽ trả tiền tức là đến ngày 25/6/2017 ; Ngày 10/2/2018 bà L có viết giấy nhận nợ của vợ chồng bà số tiền là 1.520.000.000 đồng (một tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng), hẹn đến ngày 10/4/2018 sẽ trả hết số tiền nợ là 1.520.000.000 đồng, nếu không trả được bà L sẽ trả ngôi nhà mà bà L đang ở số nhà 107 Nguyễn Huệ thành phố Ninh Bình theo giá thị trường. Các lần vay tiền giữa bà Nh, ông T và bà L không ghi lãi xuất trong các giấy vay tiền, nhưng có thoả thuận lãi xuất miệng với nhau. Quá trình vay tiền của vợ chồng bà Nh, bà L đã trả được 340.000.000 đồng tiền gốc từ năm 2018. Số tiền nợ còn lại, vợ chồng bà Nh đã đòi nhiều lần nhưng bà L chưa trả mà còn có biểu hiện trốn tránh. Khi cho vay tiền, bà Nh đưa tiền cho bà Lý chứ không đưa tiền cho ai khác và bà không chấp nhận việc chuyển giao nghĩa vụ của bà L cho bất kỳ ai. Nay vợ chồng bà Nh khởi kiện đề nghị Toà án: Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả nợ số tiền gốc cho vợ chồng bà số tiền là 1.555.000.000 đồng và tính lãi phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi bà Nguyễn Thị L trả hết số nợ theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị L tại bản tự khai và tại phiên toà, trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên khi bà Nguyễn Thị Q có nhờ bà L tìm chỗ để vay tiền thì bà L giới thiệu và dẫn bà Q là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Khánh An đến nhà bà Nh để lấy tiền, trước đó giữa bà Q và bà Nh đã thoả thuận thống nhất vay tiền và lãi xuất với nhau. Khi giao tiền cho bà Q xong thì bà Nh lại bảo bà L viết giấy biên nhận nợ số tiền 1.520.000.000 đồng, thực tế của giấy vay tiền này là từ năm 2013. Số tiền bà Q vay bà Nh có thoả thuận thời gian trả nợ là 02 tháng nhưng bà Q không trả đúng hẹn, mà hàng tháng bà L vẫn đến công ty của bà Q lấy tiền về trả lãi cho bà Nh với số tiền từ 45.000.000 đồng đến 46.000.000 đồng/ tháng. Từ tháng 01/2013 đến hết tháng 12/2015 số tiền bà L đã trả lãi cho bà Nh là 1.572.600.000 đồng. Từ tháng 01/2016, công ty không có khả năng tiếp tục trả lãi được nữa nên bà Lý phải vay tiền của anh

em bạn bè để trả lãi cho bà Nh. Tính từ tháng 1/2016 đến tháng 8/2016, tổng số tiền lãi bà L đã trả cho bà Nh là 370.000.000 đồng. Từ tháng 09 năm 2016 đến tháng 04/2017 bà L không trả được lãi thì bà Nh bắt viết một tờ giấy vay tiền 375.000.000 đồng, đó là số tiền lãi của 08 tháng trên. Đến khi bà L không còn khả năng trả lãi thì bà Nh có cho người đến nhà đe doạ, gây áp lực để bắt bà trả tiền. Hiện nay, do bà Q không trả tiền cho bà nên bà không có tiền trả cho bà Nhàn, bà cũng không có khả năng chi trả cho bà Nh nữa. Quan điểm của bà là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Q thể hiện : Năm 2013, bà là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty cổ phần sản xuất và Thương mại Khánh An (gọi tắt là Công ty Khánh An), nhưng đến nay công ty đã dừng hoạt động. Năm 2013, bà và bà Lý có đến nhà bà Nh để vay tiền cho Công ty Khánh An, nhưng bà Nh không đồng ý cho Công ty Khánh An vay mà chỉ cho bà L vay với lãi xuất 3%/ tháng. Bà Q có chứng kiến bà Lý ký nhận vay số tiền 1.160.000.000 đồng của bà Nhàn. Số tiền bà L vay bà Nhàn sau đó bà L có cho Công ty Khánh An vay lại, hàng tháng công ty Khánh An có trích trả tiền lãi trả cho bà L. Kể từ năm 2013 đến năm 2015 công ty Khánh An trả lãi đầy đủ cho bà Lý. Đến năm 2016 công ty không trả được gốc và lãi cho bà L nữa.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình trình bày quan điểm như sau :

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử, Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các buổi hòa giải tiến hành đúng thủ tục. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa và tranh luận tại phiên tòa theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Quý, ông Tài không chấp hành đúng các quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, khoản 3; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166, khoản 1 Điều 370, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản

1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án : chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Lý phải trả cho bà Đinh Thị Nhàn và ông Vũ Đức Tài số tiền nợ gốc là 1.555.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền lãi tính từ ngày xét xử đến khi trả hết số nợ với mức lãi xuất theo quy định của pháp luật. Đồng thời bà Nguyễn Thị L còn phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T, bà Nh được miễn án phí vì là người cao tuổi và bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : bà Đinh Thị Nh và ông Vũ Đức T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả nợ tiền vay theo giấy vay tiền đề ngày 25 tháng 4 năm 2017 và giấy vay tiền ngày 10 tháng 02 năm 2018. Tuy không có tiêu đề, nhưng các giấy vay tiền này thể hiện đầy đủ các nội dung của hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật nên được xác định là hợp đồng vay tài sản. Mà đến thời điểm khởi kiện (ngày 04/1/2022) đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự là 03 năm, nhưng các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Vợ chồng bà Đinh Thị Nh yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền gốc đã vay theo các Giấy biên nhận tiền là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản nên không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp này, bà Nhàn cũng không yêu cầu bà L phải trả lãi của khoản tiền vay từ khi bà L không có khả năng trả lãi. Do đó, đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản. Bị đơn là bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại phố Hưng Thịnh, phường Bích Đào thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình, nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình.

[2] Về nội dung : Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền vay là 1.555.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi xuất của số tiền nợ từ khi xét xử đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên toà, bà Nguyễn Thị L thừa nhận: hai giấy vay tiền đề ngày 25/4/2017 và ngày 10/2/2018 là

do chính tay bà viết và ký, các chữ viết chữ ký là tự nguyện không bị ai ép buộc hay đe doạ. Số tiền vay 1.520.000.000 đồng là tiền gốc vay ban đầu bà L vay bà Nh hộ cho bà Q, còn giấy vay tiền ngày 25/4/2017 là do bà không có khả năng trả lãi nữa nên bà Nhàn yêu cầu bà viết giấy vay nợ này. Số tiền vay của bà Nhàn là bà vay hộ bà Q chứ bà không mang về nhà tiêu dùng gì cho sinh hoạt của gia đình, chồng bà cũng không biết việc bà vay tiền của bà Nh. Tuy nhiên, lời khai của bà Nhàn và bà Q thể hiện hai người này không có quan hệ quen biết nhau, cũng không vay nợ gì nhau. Số tiền bà Lý vay nợ của bà Nhàn như thế nào bà Quý không biết, bà Quý không vay tiền bà Nhàn, mà với danh nghĩa là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Khánh An (gọi tắt là Công ty Khánh An), bà Q chỉ đề cập vay tiền của bà L số tiền 1.160.000.000 đồng và hàng tháng có trích tiền của Công ty để trả lãi cho bà L mỗi tháng 3% của số tiền vay 1.160.000.000 đồng bằng 34.800.000 đồng/1 tháng từ năm 2013 đến năm 2015. Nhận thấy, lời khai của bà Q là có căn cứ vì trong biên bản đối chất Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình đã thực hiện, bà Nh khẳng định không quen biết bà Quý và không cho bà Q vay tiền, mà chỉ cho bà L vay tiền, chữ viết chữ ký trong các giấy biên nhận tiền đều là của bà Nguyễn Thị L . Bà L có nộp cho Toà án 01 bảng kê thanh toán tính đến ngày 30/12/2016 trong đó thể hiện các khoản tiền khác nhau và thời gian khác nhau, số tiền lãi phải trả cũng khác nhau tuỳ thuộc vào từng thời điểm nhưng mức trả lãi của năm 2013 trung bình từ 45.000.000 đồng đến 47.000.000 đồng; các năm tiếp theo từ năm 2014, 2015 cũng như vậy. Bà L cũng khai hàng tháng bà đến công ty Khánh An lấy tiền lãi trả cho bà Nh số tiền là trung bình từ 45.000.000 đồng đến 47.000.000 đồng/tháng của số tiền vay 1.520.000.000 đồng.

Việc bà L đến công ty Khánh An lấy tiền lãi trả lãi cho bà Nh là việc bà Nh đã cho bà L vay tiền bằng hai giấy vay thể hiện vào các ngày 25/4/2017 và ngày 10/2/2018, giữa bà L và bà Nh có thoả thuận lãi xuất bên ngoài mà không ghi vào giấy vay tiền; bà Nh khai số tiền lãi của số tiền bà cho bà Lý vay theo lãi xuất ngân hàng, khi bà L trả lãi giữa bà L và bà Nh không có giấy tờ gì biên nhận thể hiện việc hàng tháng bà L trả số lãi từ 45.000.000 đến 47.000.000 đồng cho bà Nh. Còn việc bà L cho Công ty Khánh An vay tiền từ ngày 28/12/2012 khoản tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và khoản vay ngày 01/4/2013 số tiền là 1.020.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) có mức lãi xuất 3%

thể hiện trong Bảng kê thanh toán tính đến ngày 30/12/2016 Nguyễn Thị Lý – Ninh Bình do bà L giao nộp cho Toà án. Tại phiên toà bà L khai, khi bà cho Công ty Khánh An vay tiền, người ký giấy vay tiền là anh Nguyễn Văn Hải, giám đốc Công ty. Như vậy, việc bà L cho Công ty Khánh An vay tiền và hàng tháng có lấy lãi của công ty để trả lãi cho bà Nh là khoản tiền lãi bà L cho Công ty Khánh An vay, khi lấy được tiền lãi bà L lại phải trả cho bà Nhàn tiền lãi của khoản tiền bà L vay bà Nh. Đây là hai mối quan hệ tách bạch và riêng biệt, nên việc bà L viết giấy biên nhận vay tiền của bà Nh và phải trả tiền cho bà Nh đối với số tiền vay là có cơ sở. Trong hai giấy vay tiền bà L viết ngày 25/4/2017 và ngày 10/2/2018, tổng số tiền vay là 1.895.000.000 đồng nhưng bà Nh thừa nhận bà L đã trả được 340.000.000 đồng tiền gốc. Do vậy, số tiền còn lại là 1.555.000.000 đồng bà Nh, ông T yêu cầu bà L phải trả là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi xuất: Nhận thấy, tuy khi vay tiền giữa bà Đinh Thị Nh và bà Nguyễn Thị L không thỏa thuận tính lãi xuất trong giấy vay tiền đề ngày 25/4/2017 và ngày 10/2/2018, nhưng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc. Từ khi vay tiền bà Nh, hàng tháng dù không có thoả thuận về lãi xuất trong giấy vay tiền nhưng bà Nh và bà L vẫn thoả thuận lãi xuất miệng với nhau và bà L vẫn trả lãi cho bà Nhàn cho đến năm 2016 thì không trả được nữa. Tuy nhiên, trong yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là bà Nh và ông T không yêu cầu phía bị đơn là bà Nguyễn Thị L phải trả lãi trên số tiền nợ gốc của thời gian từ khi không trả được tiền nợ gốc cho bà Nh và ông T là ngày 10/4/2018 (đối với giấy vay tiền đề ngày 10/2/2018) và ngày 25/6/2017 (đối với giấy vay tiền đề ngày 25/4/2017). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của vợ chồng bà Nh, ông T nên cần chấp nhận việc ông bà không yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả lãi của khoản tiền đã vay. Mặt khác, thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự là 03 năm kể từ khi bà Nh, ông T biết quyền và lợi ích cuả mình bị xâm phạm là ngày bà Nguyễn Thị L cam kết trả nợ nhưng không trả (ngày 10/4/2018 và ngày 25/6/2017), không phụ thuộc vào việc các bên đương sự có đề

nghị áp dụng thời hiệu hay không. Nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp " yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác". Bà Nh, ông T không yêu cầu bà L trả nợ lãi, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nhàn buộc bà Lý phải trả số tiền nợ gốc là 1.555.000.000 đồng mà không trả tiền lãi. Đối với yêu cầu của bà Nh, ông T về việc tính lãi từ khi xét xử đến khi thi hành án xong, thì thấy : Do đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản nên chỉ xem xét việc trả lại tiền gốc cho bà Nh, ông T và không chấp nhận việc trả lãi xuất của số tiền gốc đã vay, nên yêu cầu của bà Nh, ông T về việc tính lãi từ khi xét xử đến khi bà L thi hành án xong theo quy định của pháp luật là không được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Toà án chấp nhận, nhưng do là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên ông T, bà Nh được miễn phần án phí phải nộp. Bị đơn là bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông T, bà Nh đối với bà Nguyễn Thị L được Toà án chấp nhận, với số tiền là 58.650.000 đồng = (36.000.000 đồng + 3% x (1.555.000.000 đồng – 800.000.000 đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ pháp luật: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 280, điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án .

2. Về nội dung : Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Nh và ông Vũ Đức T. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Nh và ông Vũ Đức T số tiền 1.555.000.000 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đinh Thị Nh, ông Vũ Đức T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng

bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Nh và ông Vũ Đức T về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền lãi tính từ ngày xét xử đến khi trả hết số nợ với mức lãi xuất theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 58.650.000 đồng (Năm tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Đức T và bà Đinh Thị Nh.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh N B;
- VKSND TPNB;
- Chi cục THA TPNB;
- Lưu HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Phương